

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 9 - 2025

V/V tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Hòa

Ông Châu Thanh Hoài Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trình Thị N, sinh ngày 04/6/199x

Địa chỉ: ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (trước đây là huyện C, tỉnh Sóc Trăng).

Nơi ở hiện nay sau sáp nhập: Hẻm X, Khu phố E, xã Đ, tỉnh Tây Ninh; Căn cước công dân số: xxxxxx (vắng mặt, nhưng bà N có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 16/11/199x

Địa chỉ: Số D ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (trước đây là huyện C, tỉnh Sóc Trăng); chứng minh nhân dân số: xxxxxxxx (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2025 của nguyên đơn là bà Trình Thị N và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn đều trình bày:

Nguyên đơn là bà Trình Thị N và bị đơn là ông Nguyễn Văn M quen biết nhau đưa đến hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông M thường xuyên đối xử bạo lực, không quan tâm chia sẻ, không chăm lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Trình Thị N đã nộp bản sao Trích lục kết hôn giữa Trình Thị N và Nguyễn Văn M được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà N và ông Nguyễn Văn M vào ngày 04 tháng 4 năm 2019; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 03/9/2025.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn M: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Trình Thị N tại Thông báo thụ lý vụ án số: 169/TB-TLVA, ngày 09 tháng 6 năm 2025 và đã tổng đạt hợp lệ cho ông M, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông M đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà N và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông M cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 26 tháng 5 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trình Thị N lập ngày 26 tháng 5 năm 2025 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Nuôi nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 26 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn Nuôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông

Nguyễn Văn M, sinh ngày 16/11/1994 có địa chỉ tại số D ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ sau sáp nhập là số D ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Bà Trình Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2019, nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Như vậy, bà N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà N và ông M cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ tháng 4 năm 2019 đến đầu năm 2025 và từ năm 2025 cho đến nay ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông M thường xuyên đối xử bạo lực, không quan tâm chia sẻ, không chăm lo làm ăn mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án bà N kiên quyết ly hôn với ông M. Như vậy, bà N và ông M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N ly hôn với ông M.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trình

Thị N.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5 Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 và Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trình Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trình Thị N và ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001418 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cần Thơ). Bà N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THA dân sự Khu vực 6 – Cần Thơ;
- UBND xã TH, Tp Cần Thơ;
- Lưu HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

